

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1270/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Hồng Hương**

2. Ông **Thiều Đình Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Hà Thanh Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3788/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thuý N**, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 156 đường X, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Truong Hong C**, sinh năm 1984

Địa chỉ: 10715 98 St NEAT5H 2N8, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/5/2020 và bản tự khai ngày 03/7/2020, nguyên đơn bà Đỗ Thuý N trình bày:

Bà và ông Truong Hong C tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19/5/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1630 quyển số 08 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau khoảng vài tháng tại Việt Nam thì ông Truong Hong C trở về Canada để làm việc. Trước khi về Canada ông Truong Hong C có hứa hẹn sẽ làm thủ tục bảo lãnh cho bà sang đoàn tụ gia đình. Vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại và internet. Đến năm 2017, ông Truong Hong C báo tin ông không đủ khả năng tài chính nên

việc bảo lãnh cho bà sang Canada có thể sẽ rất lâu. Ngoài ra ông Truong Hong C cũng không tin tưởng vợ về tình cảm, cho rằng bà có nhiều mối quan hệ với những người đàn ông khác, dù bà đã giải thích nhưng ông vẫn không tin. Từ đó ông Truong Hong C chủ động chấm dứt mọi liên lạc với bà từ 03 năm nay. Bà xác định tình cảm đối với chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống chung, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản ý kiến của bị đơn ông Truong Hong C đề ngày 18/3/2020 được Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Canada chứng nhận ngày 28/4/2020 có nội dung như sau:

Ông và bà Đỗ Thuý N kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1630, quyển số 08 ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian rất ngắn tại Việt Nam thì ông phải trở về Canada làm việc. Vợ chồng chỉ liên hệ với nhau qua thư từ, điện thoại và mạng internet. Trong hai năm đầu sau khi kết hôn ông vẫn thường gửi quà, tiền về cho vợ và về thăm vợ vào dịp giáng sinh, năm mới. Khoảng 03 năm gần đây ông không còn gửi quà và cũng không về thăm vì phải tích lũy tiền để bảo lãnh vợ sang đoàn tụ. Vì vậy tình cảm vợ chồng lạnh nhạt; qua người thân ở Việt Nam ông biết được hiện tại vợ ông có nhiều người theo đuổi. Do tình trạng hôn nhân của hai bên không thể tiếp tục, không còn có sự quan tâm chăm sóc nhau nên bà Đỗ Thuý N có yêu cầu ly hôn, ông hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Đỗ Thuý N được ly hôn ông Truong Hong C. Con chung: không có. Tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Đỗ Thuý N đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Truong Hong C cư trú tại Canada; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thuý N, bị đơn ông Truong Hong C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Đỗ Thuý N và ông Truong Hong C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1630, quyển số 08 ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà N và ông Truong Hong C thì sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống được khoảng vài tháng tại Việt Nam, sau đó ông Truong Hong C quay trở về Canada. Thời gian đầu vợ chồng liên lạc với nhau qua thư từ, điện thoại và internet. Đến năm 2017 thì việc liên lạc giảm dần. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau, thiếu sự chăm sóc và tin tưởng nhau nên tình cảm dần lạnh nhạt. Đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân và có yêu cầu được ly hôn. Ý kiến ông Truong Hong C cũng đồng ý ly hôn vì vợ chồng không còn có thể hàn gắn tình cảm tiếp tục cuộc sống chung.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N.

Về con chung: Đôi bên thống nhất khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Đỗ Thuý N, ông Truong Hong C đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 37; điểm a, khoản 2 Điều 38; Điều 464; khoản 1 Điều 469, Điều 478, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 57, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thuý N được ly hôn ông Trương Hồng C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1630, quyển số 08 ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thuý N và ông Trương Hồng C khai không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Đỗ Thuý N phải chịu, nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cần trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp tại Biên lai thu số AA/2019/0091809 ngày 16/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Đỗ Thuý N và bị đơn ông Trương Hồng C; bà Đỗ Thuý N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Trương Hồng C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Hương

Thiều Đình Thu

Trần Thị Nhung



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Xuân Lang

Nguyễn Văn Tính

Trần Thị Nhung

